

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng;

Bà Vũ Thị Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 247/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2022 và các Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn D**, sinh ngày 25/11/1988.

Hộ chiếu số B6277488 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 08/3/2012.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: 124 E, 92160 A, France.

Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Người được anh D ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, tỉnh Hải Dương (theo Giấy ủy quyền lập ngày 26/10/2021).

Vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị T**, sinh ngày 25/10/1987.

Hộ chiếu số B6007165 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 08/11/2011.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: 14 R, P 78, E1 1 (No.07) V- N 54500, France. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Phạm Văn D trình bày: Anh và chị Lê Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/02/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sang Hàn Quốc làm ăn, thời gian chung sống tại Hàn Quốc được khoảng hơn một năm thì xảy ra rất nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày, do khác biệt về quan điểm sống, ý thức và tư tưởng, tư duy vùng miền dẫn đến tinh thần của cả hai vợ chồng đều rất căng thẳng, mệt mỏi và thường xuyên cãi nhau. Tháng 8/2017 anh chuyển sang Pháp du học và sinh sống tại thủ đô Paris, tháng 10/2017 chị T cũng sang Pháp làm tiến sĩ tại N (miền Đông của nước Pháp), từ khi sang Pháp thì mối quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong tất cả các vấn đề của cuộc sống. Cả hai đều không có sự tôn trọng lẫn nhau, không có sự cảm thông chia sẻ và đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Hàn N1, sinh ngày 19/7/2016, hiện con đang ở với chị T. Khi ly hôn anh đề nghị để chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 200 euros (tương đương 5.300.000 VNĐ)/tháng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh D đang làm ăn, sinh sống tại Cộng hòa Pháp nên anh ủy quyền cho ông Phạm Văn T1 (là bố đẻ anh) thay anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án.

Chị Lê Thị N2 (là chị gái chị T) trình bày: Chị không biết địa chỉ cụ thể của chị T ở nước ngoài. Tuy nhiên chị T vẫn thường xuyên liên lạc với chị qua điện thoại và mạng xã hội, chị đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị T biết. Thông qua gia đình chị T trình bày khi nào về nước chị mới giải quyết ly hôn và chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung Phạm Hàn N1.

Người được anh D ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - ông Phạm Văn T1 trình bày: Ông nhất trí nhận ủy quyền của anh D, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo cho anh D biết, anh D vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Ngoài ra ông Phạm Văn T1 và bà Bùi Thị H (mẹ đẻ anh D) trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng cùng xuất cảnh sang Hàn Quốc, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T yêu cầu anh D phải ở nhà trông con, không cho anh ra ngoài học tập, làm

ăn kinh tế và cũng không đưa tiền cho anh chi phí sinh hoạt hằng ngày, không quan tâm đến chồng con. Toàn bộ chi phí học tập của anh và chi phí sinh hoạt trong gia đình, hàng tháng ông bà phải gửi tiền sang cho anh. Cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng và thường xuyên xảy ra cãi nhau, không chấp nhận được cuộc sống như vậy tháng 8.2017 anh D sang Pháp làm ăn, sau đó chị T cũng theo sang Pháp nhưng vợ chồng mỗi người sống một nơi, cuối tuần mới gặp nhau, nhưng chị T không thay đổi, vẫn y lại vào anh, mọi chi phí sinh hoạt, nuôi con kể cả việc đưa bà sang bế cháu gia đình anh cũng phải lo toan, trang trải. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng từ năm 2018, vợ chồng đã thống nhất làm đơn xin ly hôn nhưng do thủ tục không đảm bảo nên chưa được giải quyết. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn chị T. Quan điểm của ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh D.

Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện K nơi anh D và chị T đăng ký kết hôn thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau sang Hàn Quốc, sau đó lại sang Pháp học tập, làm ăn, sinh sống, thỉnh thoảng anh chị có về quê, mấy năm gần đây chị T không về thăm gia đình. Địa phương nắm bắt được trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh D có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện mâu thuẫn giữa anh Phạm Văn D và chị Lê Thị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Phạm Văn D ly hôn chị Lê Thị T. Về con chung: Giao con chung Phạm Hàn N1 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của anh D tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.300.000đ/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Văn D và bị đơn chị Lê Thị T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn Đ, xã Đ1, huyện K, tỉnh Hải Dương, hiện anh D và chị T đang làm ăn, sinh sống tại Cộng hòa Pháp. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Mặc dù, anh D không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng anh đã gửi các tài liệu gồm: Đơn xin ly hôn, đơn xin giải quyết vắng mặt và giấy ủy quyền, các tài liệu này đã được Đại sứ quán Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa Pháp chứng thực. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định ý chí, quan điểm ly hôn của anh D là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D cung cấp địa chỉ của chị T tại: 14 R, P 78, E1 1 (No.07) V- N 54500, France. Tòa án đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tới Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp để thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên đến thời gian xét xử, Tòa án không nhận được kết quả của việc ủy thác tư pháp, anh D cũng không cung cấp được địa chỉ nào khác của chị T ở Cộng hòa Pháp. Tòa án đã đề nghị gia đình chị T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình chị T và gia đình đã thông báo cho chị T biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh D và chị T, đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Ngày 08/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã có công văn số 26/2022/CV-TA “*V/v tương trợ tư pháp lần 2*” gửi Đại sứ quán Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa Pháp để hỏi kết quả ủy thác tư pháp đối với chị Lê Thị T đồng thời đề nghị tiến hành niêm yết và đăng trên cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại nước ngoài. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn D và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/02/2015 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì cùng sang Hàn Quốc làm ăn nhưng lại xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do có sự khác biệt về quan điểm sống, ý thức, tư tưởng và tư duy vùng miền đã dẫn đến tinh thần của cả hai đều rất căng thẳng, mệt mỏi và thường xuyên cãi nhau. Sau khi cùng chuyển sang Pháp làm ăn từ năm 2017 nhưng vợ chồng không sống cùng nhau mà mỗi người ở một nơi, từ đó mối quan hệ của vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong tất cả các vấn đề của cuộc sống, cả hai đều không có sự tôn trọng lẫn nhau, không có sự cảm thông chia sẻ và đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T. Thông qua gia đình chị T trình bày khi nào về nước chị mới giải quyết ly hôn và chị cũng không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ

chồng. Trong các tài liệu anh D gửi Tòa án cũng thể hiện nhiều lần chị T đã ký vào đơn xin ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh D ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Hàn N1, sinh ngày 19/7/2016, hiện con đang ở với chị T, thông qua gia đình chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, anh D cũng có quan điểm giao con chung cho chị T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên và anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 200 euros (tương đương 5.300.000 VNĐ)/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận giao con chung Phạm Hàn N1 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh D tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 200 euros (tương đương 5.300.000 VNĐ)/tháng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi).

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh D, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Phạm Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn D ly hôn chị Lê Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Lê Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Hàn N1, sinh ngày 19/7/2016 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 200 euros (tương đương 5.300.000 VNĐ)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Kể từ khi chị T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh D không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa*

*thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.*

3. Về tài sản, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn D phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2020/0004578 ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do ông Phạm Văn T1) nộp thay. Anh D đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Phạm Văn D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn D và chị Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Đ1, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Trường**